

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách đường dây và Trạm biến áp 110kV ưu tiên
khôi phục, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 93/TTr-SCT ngày 24 tháng 12 năm 2025 và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 19/BC-VP ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đường dây và Trạm biến áp 110kV ưu tiên khôi phục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026 theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, tài liệu, dữ liệu và sự phù hợp, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hồ sơ thẩm định trình phê duyệt tại Tờ trình số 93/TTr-SCT nêu trên.

b) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty Điện lực Tuyên Quang:

Thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục, việc công khai, phối hợp theo phương án tiết giảm điện đúng với quy định, phù hợp với kế hoạch công suất và sản lượng điện được giao.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Tuyên Quang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTN: đ/c Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục**DANH SÁCH ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110kV ƯU TIÊN
KHÔI PHỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
1	172 E14.1 (Trạm biến áp 110kV Tuyền Quang) - 171 E14.6 (Trạm biến áp 220kV Tuyền Quang)	E14.1 (Tuyền Quang)	1	Cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Minh Xuân, An Tường, Nông Tiến, Bình Thuận, xã Trung Sơn, Hùng Lợi, Đạo Viện, Nhữ Khê, Thái Bình	
2	172 E14.9 (Trạm biến áp 110kV Gò Trầu) - 173 E14.6 (Trạm biến áp 220kV Tuyền Quang)	E14.9 (Gò Trầu)	1	Cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Minh Xuân, xã Yên Sơn, Xuân Vân, Lục Hành, Kiến Thiết, Tân Long	
3	173 E14.1 (Trạm biến áp 110kV Tuyền Quang) - 174 E14.6 (Trạm biến áp 220kV Tuyền Quang)	E14.1 (Tuyền Quang)	1	Cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Minh Xuân, An Tường, Nông Tiến, Bình Thuận, xã Trung Sơn, Hùng Lợi, Đạo Viện, Nhữ Khê, Thái Bình	
4	ĐZ 173E22.4 (T220 Hà Giang) – 174E22.1 (T110 Hà Giang)	E22.1 (Hà Giang)	1	Các cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Hà Giang 1, 2 các xã Vị Xuyên, Quán Bạ, Việt Lâm, Ngọc Đường, Minh Ngọc, Lao Chải, Thanh Thủy, Phú Linh, Linh Hồ, Thuận Hòa, Tùng Bá, Thượng Sơn, Cao Bồ, Lũng Tám, Cán Tỷ, Nghĩa Thuận, Tùng Vải	Có nguồn thủy điện trung áp hòa lưới (A22.0, A22.1, A22.3, A22.4, A22.6, A22.7, A22.24, A22.26, A22.68, TĐ 304)

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
5	ĐZ 173E22.3 (Bắc Quang) – 184E22.40 (220kV Bắc Quang)	E22.3 (Bắc Quang)	1	Phụ tải khu vực xã Bắc Quang, Đồng Tâm, Vĩnh Tuy, Tân Quang, Hùng An, Đồng Yên, Liên Hiệp, Bằng Hành, Tân Trịnh, Thông Nguyên, Bằng Lang, Tiên Yên, Xuân Giang, Yên Thành, Quang Bình, Hồ Thầu	Có nguồn thủy điện trung áp hòa lưới (A22.2, A22.0, A22.73, A22.8, A22.71, A22.27)
6	ĐZ 172E22.3 (Bắc Quang) – 175E22.40 (220kV Bắc Quang)	E22.3 (Bắc Quang)	1	Phụ tải khu vực xã Bắc Quang, Đồng Tâm, Vĩnh Tuy, Tân Quang, Hùng An, Đồng Yên, Liên Hiệp, Bằng Hành, Tân Trịnh, Thông Nguyên, Bằng Lang, Tiên Yên, Xuân Giang, Yên Thành, Quang Bình, Hồ Thầu	Có nguồn thủy điện trung áp hòa lưới (A22.2, A22.0, A22.73, A22.8, A22.71, A22.27)
7	ĐZ 173E22.1 (T110 Hà Giang) – E22.27 (T110 Bình Vàng) – 174 E22.40 (T220 Bắc Quang)	E22.27 (Bình Vàng)	1	Khu công nghiệp Bình Vàng, Phụ tải xã Bạch Ngọc.	Có nguồn thủy điện trung áp hòa lưới (A22.72, A22.1)
8	171 E14.7 (Trạm biến áp 110kV Khu công nghiệp Long Bình An) - 176 E14.6 (Trạm biến áp 220kV Tuyên Quang)	E14.7 (KCN Long Bình An)	2	Khu công nghiệp Long Bình An, phụ tải phường Bình Thuận, An Tường, Bình Ca	
9	172 E14.2 (Trạm biến áp 110kV Chiêm Hóa) - 173,174 (A14.10) (Nhà máy thủy điện Chiêm Hóa)	E14.2 (Chiêm Hóa)	2	Khu vực xã Chiêm Hóa, Hòa An, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Yên Lập và Tân An	

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
10	171 E14.3 (Trạm biến áp 110kV Sơn Dương) - 175 E14.6 (Trạm biến áp 220 kV Tuyên Quang)	E14.3 (Sơn Dương)	2	Khu vực xã Sơn Dương, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Tân Trào, Minh Thanh	
11	174 E14.11 (Trạm biến áp 110kV Hàm Yên) - 171 A14.15 (Nhà máy thủy điện Sông Lô 7)	E14.11 (Hàm Yên)	3	Khu vực xã Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Lợi, Bạch Xa, Phù Lưu, Yên Phú	
12	171 A14.0 (Nhà máy thủy điện Tuyên Quang) - 171 E14.12 (Trạm biến áp 110kV Na Hang)	E14.12 (Na Hang)	3	Khu vực xã Nà Hang, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Côn Lôn, Lâm Bình, Minh Quang, Bình An, Thượng Lâm	
13	ĐZ 183E22.40 (T220 Bắc Quang) – A22.15 (TĐ Sông Chừnng) - A22.34 (TĐ Sông Lô 4) - A22.5 (TĐ Nậm Ngân) - A22.32 (TĐ Sông Lô 2) - 171E22.4 (T220 Hà Giang)	E22.40 (220kV Bắc Quang)	3	Phụ tải khu vực xã Bắc Quang, Đồng Tâm, Vĩnh Tuy, Tân Quang, Hùng An, Đồng Yên, Liên Hiệp, Bằng Hành, Tân Trính, Thông Nguyên, Bằng Lang, Tiên Yên, Xuân Giang, Yên Thành, Quang Bình, Hồ Thầu	Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.15, A22.5, A22.32, A22.34); Thủy điện trung áp hòa lưới (A22.0, A22.2, A22.8, A22.71, A22.27, A22.73)
14	ĐZ 173A22.15 (TĐ Sông Chừnng) – A22.41A (TĐ Nậm Là) - A22.37 (TĐ Nậm Yên) - 171E22.36 (T110 Sông Chảy)	E22.36 (Sông Chảy)	3	Phụ tải khu vực xã Hoàng Su Phì, Xín Mần, Pà Vầy Sủ, Nậm Dẩn, Trung Thịnh, Khuôn Lùng, Tân Tiến, Pờ Ly Ngải, Bản Máy, Thàng Tín	Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.37, A22.41A, A22.41B, A20.63);

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
					Thủy điện trung áp hòa lưới (A22.25, A22.69, A22.70)
15	172 E14.13 (Trạm biến áp 110kV Tuyên Quang 2) - 172 E14.6 (Trạm biến áp 220 kV Tuyên Quang)	E14.13 (Tuyên Quang 2)	3	Khu vực xã phường Mỹ Lâm, xã Nhữ Khê	
16	172 E14.12 (Trạm biến áp 110kV Na Hang) - 172 A14.10 (Nhà máy thủy điện Chiêm Hóa)	E14.12 (Na Hang)	4	Khu vực xã Nà Hang, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Côn Lôn, Lâm Bình, Minh Quang, Bình An, Thượng Lâm	
17	172 E14.3 (Trạm biến áp 110kV Sơn Dương) - 171 E14.4 (Trạm biến áp 110kV Giấy An Hòa)	E14.3 (Sơn Dương)	4	Khu vực xã Sơn Dương, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Tân Trào, Minh Thanh	
18	172 E14.7 (Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Long Bình An) - 172 E14.4 (Trạm biến áp 110kV Giấy An Hòa)	E14.7 (KCN Long Bình An)	4	Khu công nghiệp Long Bình An, phụ tải phường Bình Thuận, An Tường, Bình Ca	
19	171E14.9 (Trạm biến áp 110kV Gò Trầu) - 171 E14.5 (Trạm biến áp 110kV Xi Măng Tân Quang)	E14.9 (Gò Trầu)	4	Cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Minh Xuân, xã Yên Sơn, Xuân Vân, Lục Hành, Kiến Thiết, Tân Long	
20	ĐZ 172E22.4 (T220 Hà Giang) - A22.21 (TĐ Nậm Mạ) – A22.18 (TĐ Sông Miện 5A) - A22.17 (TĐ Sông Miện 5) – 171E22.7 (T110 Yên Minh)	E22.7 (Yên Minh)	4	Khu vực các xã Lũng Cú, Đồng Văn, Sà Phìn, Phó Bảng, Lũng Phìn, Sủng Máng, Sơn Vỹ, Mèo Vạc, Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà, Thắc Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Đường Thượng	Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.17, A22.18, A22.21); Thủy điện trung áp hòa lưới (A22.7)

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
21	171 E14.11 (Trạm biến áp 110 kV Hàm Yên) - 172 E14.5 (Trạm biến áp 110kV Xi Măng Tân Quang)	E14.11 (Hàm Yên)	4	Khu vực xã Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Lợi, Bạch Xa, Phù Lưu, Yên Phú	
22	172 E14.11 (Trạm biến áp 110kV Hàm Yên) - 171 A14.8 (Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang)	E14.11 (Hàm Yên)	5	Khu vực xã Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Lợi, Bạch Xa, Phù Lưu, Yên Phú	
23	171 E14.2 (Trạm biến áp 110kV Chiêm Hóa) - 173 A14.8 (Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang)	E14.2 (Chiêm Hóa)	5	Khu vực xã Chiêm Hóa, Hòa An, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Yên Lập và Tân An	
24	171 A40 (Nhà máy thủy điện Thác Bà) - 171 E14.13 (Trạm biến áp 110 kV Tuyên Quang 2)	E14.3 (Sơn Dương)	5	Khu vực xã Sơn Dương, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Tân Trào, Minh Thanh	
25	171 E14.1(Trạm biến áp 110 kV Tuyên Quang) - 171 E6.19 (Trạm biến áp 110 Đại Từ)	E14.1 (Tuyên Quang)	5	Cơ quan Đảng và chính quyền của tỉnh, phụ tải khu vực phường Minh Xuân, An Tường, Nông Tiến, Bình Thuận, xã Trung Sơn, Hùng Lợi, Đạo Viện, Nhữ Khê, Thái Bình	
26	ĐZ 172E22.1 (T110 Hà Giang)– A22.16 (Cụm TĐ Thanh Thủy)		6		Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.16, A22.16A)
27	ĐZ 175E22.3 (T110 Bắc Quang) – ĐZ 172A22.28 (TĐ Sông Bạc)		6		Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.28)
28	ĐZ 172E22.36 (T110 Sông Chảy) – A20.63 (TĐ Pake)		6		Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A20.63)

STT	Tên đường dây 110kV	Tên trạm biến áp 110kV	Thứ tự ưu tiên khôi phục	Phụ tải ưu tiên	Ghi chú
29	ĐZ 174E22.3 (T110 Bắc Quang) – 172A22.38 (TĐ Sông Lô 6 – 172A14.15 (TĐ Sông Lô 7)		6		Có nguồn thủy điện 110kV hòa lưới (A22.38)
30	ĐZ 171E22.3 (T110 Bắc Quang) – 171E12.22 (T110 Yên Thế)		6		